

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN LÚC
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 18-5-2018

V/v “ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LÚC - TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thu Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Chí Cường.
2. Ông Phạm Văn Tám.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thanh Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Tấn Phát – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 16/2018/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2018 về việc “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2018/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thanh P, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Ấp 7, xã T, huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Bị đơn: Ông Lê Duy K, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Ấp 7, xã T, huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

(Bà P có mặt, ông K vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 05/01/2018, bản tự khai ngày 26/01/2018, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thanh P trình bày:

Do mai mối và được gia đình hai bên đồng ý nên vào năm 2006 bà và ông Lê Duy K xác lập quan hệ vợ chồng, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện Bến Lức, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 12/01/2006.

Sau khi cưới vợ chồng chung sống tại ấp 7, xã T, huyện Bến Lức. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông K không lo làm ăn và không chăm sóc cho vợ con, ông K có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, bà đã khuyên nhiều lần nhưng ông K vẫn không thay đổi, cuộc sống chung không thể tiếp tục, vợ chồng bà đã ly thân từ tháng 11/2017 đến nay. Nay bà xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên bà yêu cầu được ly hôn với ông K.

- Về nuôi con chung: Quá trình chung sống bà và ông K có hai con chung tên Lê Thị Ngọc G, sinh ngày 05/11/2007 và Lê Thị Ngọc H, sinh ngày 21/07/2011. Hiện hai con chung đang sống với bà, khi ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục nuôi hai con chung, bà yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có.

Theo bản tự khai ngày 26/01/2018, trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Lê Duy K trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày của bà P về quá trình chung sống và điều kiện kết hôn.

Ông và bà P kết hôn với nhau do mai mối, có tổ chức lễ cưới năm 2006, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 12/01/2006.

Sau khi cưới vợ chồng chung sống tại ấp 7, xã T, huyện Bến Lức, tỉnh Long An. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì không hạnh phúc mà nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do ông đi chơi với bạn bè nên ông không quan tâm, chăm sóc vợ con được nhiều. Nay bà P yêu cầu ly hôn, ông còn thương vợ con, ông muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng lo cho các con nên ông không đồng ý ly hôn.

- Về nuôi con chung: Quá trình chung sống ông và bà P có hai con chung tên Lê Thị Ngọc G, sinh ngày 05/11/2007 và Lê Thị Ngọc H, sinh ngày 21/07/2011. Hiện hai con chung đang sống với bà P. Trong trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì ông yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, ông không yêu cầu bà P cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có.

Vụ án đã được Tòa án tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành.

Tại phiên tòa bà P vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu được ly hôn với ông K, bà P yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật. Ông K đã được Tòa án thông báo và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo pháp luật tố tụng và nguyên đơn tham gia tố tụng trong vụ án đã chấp hành pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Bị đơn ông Lê Duy K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vắng mặt không lý do.

Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ theo quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn bà Trần Thanh P.

Về con chung: Căn cứ theo quy định tại Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của bà P về việc được tiếp tục nuôi hai con chung là cháu G và cháu H, buộc ông K phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Do các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Bà Trần Thanh P khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Lê Duy K, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện Bến Lức thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Bị đơn ông Lê Duy K đã được Tòa án thông báo và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt. Căn cứ vào khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông K.

Về nội dung tranh chấp:

[3] Xét thấy, bà Trần Thanh P và ông Lê Duy K do mai mối và được gia đình hai bên đồng ý, đã xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2006, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện Bến Lức, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 12/01/2006, hôn nhân của bà P và ông K là hợp pháp. Bà P và ông K do mai mối và đi đến hôn nhân, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2017 thì không hạnh phúc. Theo bà P, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do ông K không lo làm ăn và không chăm sóc cho vợ con, ông K có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, bà và ông K đã ly thân từ tháng 11/2017 cho đến nay. Ông K xác định do ông có đi chơi với bạn bè nên ông không quan tâm, chăm sóc vợ con được nhiều, tuy vợ chồng đã ly thân từ tháng 11/2017 nhưng ông còn thương vợ, ông muốn vợ chồng đoàn tụ. Ông K yêu cầu được đoàn tụ nhưng ông không đưa ra được biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Trong khi đó, bà P xác định bà P không

thể tiếp tục sống chung với ông K, bà P không đồng ý đoàn tụ và cương quyết ly hôn với ông K. Xét thấy tình cảm vợ chồng của bà P và ông K đã mâu thuẫn đến mức trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được, yêu cầu của bà P được ly hôn với ông K phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở nên cần chấp nhận.

[4] Về nuôi con chung: Bà P và ông K xác định quá trình chung sống bà P, ông K có hai con chung tên Lê Thị Ngọc G, sinh ngày 05/11/2007 và Lê Thị Ngọc H, sinh ngày 21/07/2011. Xét yêu cầu trực tiếp nuôi con chung của bà P thấy rằng: bà P đang trực tiếp nuôi hai cháu G và H, theo nguyện vọng của cháu G và cháu H là sống cùng với bà P, xét về khả năng kinh tế và để đảm bảo sự phát triển ổn định về mọi mặt của hai cháu G và H, yêu cầu nuôi con chung của bà P là phù hợp. Đối với yêu cầu của ông K là được trực tiếp nuôi con chung xét thấy: theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì con từ đủ 07 tuổi trở lên phải xem xét nguyện vọng của con, cháu G và cháu H đều có nguyện vọng sống cùng bà P, nên yêu cầu trực tiếp nuôi con chung của ông K không có căn cứ chấp nhận.

[5] Xét yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của bà P: Bà P yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật là phù hợp với Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Theo Công văn số 24/1999/KHXX ngày 17/3/1999 của Tòa án nhân dân Tối cao quy định về mức cấp dưỡng nuôi con bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương tối thiểu, căn cứ vào Điều 3 Nghị định số 47/2017/NĐ-CP ngày 24/4/2017 của Chính phủ thì mức lương tối thiểu chung được áp dụng hiện nay là 1.300.000đồng/tháng, số tiền hàng tháng ông K phải cấp dưỡng nuôi mỗi con chung là 650.000đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 6 năm 2018 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Do đó yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của bà P là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về chia tài sản: Bà P và ông K xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu các đương sự có tranh chấp, sẽ được giải quyết bằng vụ án khác khi có đơn yêu cầu.

[7] Về nợ chung: không có.

[8] Về án phí: Bà Trần Thanh P phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ông Lê Duy K phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thanh P xin ly hôn với ông Lê Duy K.

Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Trần Thanh P và ông Lê Duy K.

Về nuôi con chung: Bà Trần Thanh P và ông Lê Duy K có hai con chung là Lê Thị Ngọc G, sinh ngày 05/11/2007 và Lê Thị Ngọc H, sinh ngày 21/07/2011. Giao con chung Lê Thị Ngọc G và Lê Thị Ngọc H cho bà Trần Thanh P trực tiếp nuôi dưỡng. Ông K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi con chung mỗi tháng với số tiền 650.000 đồng (sáu trăm năm mươi nghìn đồng). Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 6 năm 2018 cho đến khi hai cháu G và H đủ 18 tuổi.

Bên không nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể thay đổi người nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về án phí: Bà Trần Thanh P phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006108 ngày 15/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Lức. Bà P đã nộp đủ án phí.

Ông Lê Duy K phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định, bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Bến Lức;
- THADS huyện Bến Lức;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu HS, lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Thu Thảo